

PHÁP HOA NGHĨA KÝ

QUYỂN 8

PHẨM AN LẠC (Tiếp Theo)

Kế đến nêu lên hạnh an lạc thứ ba. Hạnh này lấy sự lìa ác làm thể và có hai đoạn tức là Trường hàng và kệ tụng.

Trong Văn Trường hàng tự có ba đoạn: 1. Nêu lên sự xa lìa ác; 2. “Phải đối với tất cả chúng sanh” trở xuống tức nêu lên việc tu thiện. Nếu không tu thiện thì không do đâu xa lìa tội ác; 3. “Văn Thù Sư Lợi” trở xuống tức nêu lên tướng đạt được quả an lạc. Nay nêu lên sự lìa ác gồm có sáu loại: 1. Ganh ghét; 2. Nịnh hót. Hạng người này thật sự có khả năng tu thiện chỉ vì mình có làm cho vui lòng người khác; 3. Luống dối tức chỉ cho nội tâm và thực hành của người này không có thực; 4. Cũng chớ có khinh mắng người học Phật đạo; 5. “Nếu có vị Tỳ-kheo, cùng với Tỳ-kheo ni” trở xuống có năm hàng tức nêu lên sự việc không nên khinh khi người học Tiểu thừa; 6. Lại cũng chẳng nên tranh cãi với các pháp lý luận.

“Phải ở nơi tất cả chúng sanh” trở xuống là đoạn thứ hai nêu lên việc tu thiện tự có bốn loại thiện: 1. Ở nơi tất cả chúng sanh khởi tướng đại bi; 2. “Đối với các đức Như-Lai” trở xuống; 3. “Đối với các Bồ-tát” trở xuống 4. “Ở nơi tất cả chúng sanh” trở xuống.

“Văn Thù Sư Lợi” trở xuống là đoạn thứ ba trong Văn Trường hàng nêu được tướng quả an vui. “Mà nói kệ rằng” trở xuống có sáu hàng là phần kệ tụng thứ hai. Tuy nhiên trong Văn Trường hàng ở trên vốn có ba đoạn và nay trong sáu hàng kệ tụng này cũng phân làm ba đoạn: 1. Có hai hàng tụng đoạn thứ nhất trong Văn Trường hàng ở trên tức nói rõ sự xa lìa sáu loại xấu ác; 2. “Phật tử đó nói pháp” trở xuống có ba hàng thông tụng đoạn thứ hai trong Văn Trường hàng ở trên tức tu tập bốn loại thiện; 3. “pháp thứ ba như thế” trở xuống có một hàng kệ tụng đoạn thứ ba trong Văn Trường hàng ở trên tức tướng an vui.

Kế đó, giải thích hạnh an lạc thứ tư. Hạnh này nêu ra việc lấy từ bi

làm thể. Căn cứ trong đây cũng có hai đoạn tức Văn Trường hàng và kệ tụng. Trong Văn Trường hàng vốn có hai đoạn: 1. Nêu ra thể của hạnh; 2. “Văn Thù Sư Lợi” trở xuống tức nêu ra tướng đạt được quả an vui. Lại xét trong hai đoạn này mỗi đoạn có hai phần. Trong đoạn đầu có hai phần tức là: 1. Lược nêu ra thể đại bi; 2. Từ “ở trong hạng người chẳng phải Bồ-tát” trở xuống tức rộng trình bày thể đại bi. “Chẳng nghe” tức nêu ra xưa kia “văn tuệ” không thành tựu. “Chẳng biết” tức nêu ra tu tuệ xưa kia không thành tựu. “Chẳng hay” tức nêu ra xưa kia không thành tựu “tu tuệ”. Làm sao biết được? Vì ba câu dưới đây sẽ giải thích điều đó. “Chẳng hỏi” tức giải thích câu chẳng nghe ở trên. Nếu xưa kia có khả năng nghe được giáo ba thừa này thì nghĩa “nghe” được thành tựu. Do vì xưa kia chẳng nghe cho nên không kể thành tựu nghĩa nghe. “Chẳng tin” tức giải thích câu “chẳng biết” ở trên. Do vì xưa kia chẳng tin lời nói “ở trong một Phật thừa phân biệt nói thành ba. “ Do vậy, nên chẳng biết lý đồng quy. “Chẳng hiểu” tức là giải thích câu “chẳng hay” ở trên. Nếu xưa kia hiểu nghĩa đồng quy thì liền sau biết không có nghĩa của ba thừa.

“Văn Thù Sư Lợi” trở xuống là đoạn thứ hai nêu ra tướng an lạc, cũng có hai phần: 1. Nêu ra tướng an lạc; 2. Giải thích. Nêu ra tướng an lạc tự có hai phần: 1. Trước hết nêu ra được người yêu thích; 2. Từ “hàng chư thiên” trở xuống tức nêu ra sự hộ trì của chư thiên. Điều này muốn nói lên kinh pháp của Như Lai chính là hoài bão của người này muốn lưu truyền cho nên trời người thường vì pháp mà thích đến hộ trì người ấy. “Vì sao” trở xuống là phần giải thích tướng an lạc và cũng có hai đoạn: 1. Dùng pháp để thuyết; 2. Dùng thí dụ để thuyết. Lại xét trong hai đoạn này, mỗi đoạn có hai phần. Trong đoạn dùng pháp để thuyết có hai phần tức là: 1. Nêu lên kinh này là tạng bí yếu thuộc chỗ hộ trì của chư Phật; 2. “Văn Thù Sư Lợi” trở xuống tức nêu lên việc khó có thể được nghe để nói rõ kinh này nên đáng được tôn trọng. “Văn Thù Sư Lợi” thí như vua chuyển Luân Thánh Vương sức lực mạnh mẽ” trở xuống là đoạn thứ hai tức dùng thí dụ để thuyết nhằm giải thích tướng an lạc. Trong đoạn này cũng có hai phần tức là hai thí dụ phân làm hai đoạn tức vì hai loại pháp thuyết ở trên mà làm thí dụ. Nhưng trong thí dụ ban đầu tự có phần khai và hợp. “Văn Thù Sư Lợi, như Chuyển Luân Thánh Vương thấy các binh chúng” trở xuống là đoạn thứ hai tức dùng thí dụ để thuyết cũng có hai phần nghĩa là khai dụ và hợp dụ. Nhưng xét trong phần hợp dụ vốn có ba phần: 1. Chánh hợp; 2. “Văn Thù Sư Lợi” trở xuống tức nêu lên thí dụ bên ngoài để bổ sung; 3. Cũng từ “Văn Thù

Sư Lợi” trở xuống là nêu ra phần kết hợp.

“Mà nói kệ rằng” trở xuống là phần kệ tụng thứ hai. Trong Văn Trường hàng ở trên vốn có hai phần: 1. Nêu lên thể của hạnh; 2. Nêu ra tướng an lạc. Nay trong mười bốn hàng rưỡi kệ cũng được phân làm hai; 1. Có bốn hàng tụng về thể của hạnh ở trên; 2. Có mười hàng rưỡi kệ tụng về tướng an lạc. Trong văn nêu ra thể của hạnh ở trên vốn có hai phần: 1. Lược nêu ra đại bi; 2. Rộng nêu ra đại bi. Nay bốn hàng kệ này chỉ tụng thông suốt mà không có phân ra.

“Như người có sức mạnh” trở xuống có mười hàng rưỡi kệ là phần tụng về tướng an lạc. Trong văn trên vốn có hai phần. Thứ nhất nêu ra sự an lạc và trong đây cũng có hai mục: người yêu thích, chư thiên ủng hộ nhưng nay không tụng. Thứ hai tức giải thích rõ nghĩa an lạc, cũng có hai phần. Thứ nhất là dùng pháp để thuyết và trong đó cũng có hai mục: Tạng bí yếu của chư Phật và nêu ra người đắc pháp nhưng nay cũng không tụng mà chỉ tụng phần thí dụ để thuyết. Tuy nhiên, hai thí dụ ở trên mỗi thí dụ có khai và hợp. Nay mười hai hàng rưỡi kệ chỉ thích nghi phần hai:

1. Có bốn hàng trước hết tụng lại hai thí dụ bên ngoài.

2. “Như Lai cũng như thế” trở xuống có sáu hàng rưỡi kệ tụng lại hai thứ nội hợp.

Trong bốn hàng kệ đầu thì có ba hàng tụng về thí dụ bên ngoài. Thứ nhất “như có người mạnh mẽ” trở xuống một hàng tụng về thí dụ bên ngoài thứ hai. Trong sáu hàng rưỡi kệ sau thì ban đầu “Như Lai cũng như thế” trở xuống có ba hàng tụng nội hợp thí dụ thứ nhất. “Đã biết loài chúng sanh, đặng sức mạnh kia rồi” tức có ba hàng nêu ra nội hợp thí dụ thứ hai. “Sau khi ta diệt độ” tức chỉ cho lời đáp của Phật có bốn đoạn. Từ đây trở xuống có một hàng rưỡi kệ tụng đoạn phần tổng kết thứ ba nhằm khuyến khích tu tập bốn hạnh an lạc này.

“Người đọc tụng kinh này” trở xuống có hai mươi một hàng rưỡi kệ là đoạn thứ tư trong lời đáp của Phật tức thông suốt nêu ra tướng được quả an lạc. Tuy nhiên trong đây chính là nêu lên tướng an lạc của ba quả báo. Xét trong hai mươi một hàng rưỡi kệ tự có bốn đoạn:

1. Có một hàng trước hết tụng về hiện báo được an vui.

2. “Chẳng sang nhà bản cùng” trở xuống có ba hàng rưỡi kệ tụng “sanh báo” được an lạc.

3. “Nếu ở trong chiêm bao” trở xuống có mười sáu hàng tụng được an vui trong “hậu báo”.

4. Có một hàng tổng kết việc giải thích ba điều trên.

Lại trong phần thứ ba căn cứ vào mộng thuộc tướng “hậu báo” có năm loại:

1. Có một hàng rươi kệ trước tiên tụng về việc nghe Phật thuyết pháp.
2. “Từ ngó thấy thân mình, mà vì chúng nói pháp” cũng có một hàng rươi kệ.
3. “Lại thấy các đức Phật” trở xuống có sáu hàng rươi kệ tụng được Phật nói pháp thọ ký.
4. “Lại ngó thấy tự thân” trở xuống có một hàng rươi kệ tụng về thực hành nhân của quả vị Phật.
5. “Các Phật thân sắc vàng trăm phước tướng trang nghiêm” trở xuống có năm hàng tụng về chứng đắc Phật quả.

Nhưng trong phần chứng đạt Phật quả này vốn có hai ý. Ban đầu có một hàng trước hết nêu lại bốn thứ mộng ở trước. Sau đó có bốn hàng nói lên sự chứng đạt Phật quả. Phần nêu tên bốn thứ mộng thì hai câu đầu cho đến “nghe pháp” tức nêu ra mộng thứ nhất ở trên. “Vì người nói” tức chỉ có ba chữ nêu ra mộng thứ hai ở trên. “Thường có mộng tốt đó” tức tổng quát nêu ra mộng thứ ba và thứ tư. “Lại mộng làm quốc vương” trở xuống có bốn hàng là phần thứ hai nêu lên sự chứng đắc Phật quả. “Nếu trong đời ác sau” trở xuống có một hàng là phần thứ tư “tổng kết báo nghiệp ở ba đời”.

